



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2021

BẢN TIN SỐ 1321

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 24/09/2021 đến ngày 30/09/2021)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	24-09	27-09	28-09	29-09	30-09
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	390 - 394	393 - 397	393 - 397	393 - 397	393 - 397
	5% tấm	380 - 384	383 - 387	383 - 387	383 - 387	383 - 387
	25% tấm	369 - 373	373 - 377	373 - 377	373 - 377	373 - 377
	Hom Mali 92%	660 - 664	660 - 664	660 - 664	660 - 664	643 - 647
	Gạo đỏ 100% Stxd	385 - 389	388 - 392	388 - 392	388 - 392	388 - 392
	A1 Super	350 - 354	354 - 358	354 - 358	354 - 358	354 - 358
VIỆT NAM	5% tấm	423 - 427	428 - 432	428 - 432	428 - 432	428 - 432
	25% tấm	393 - 397	393 - 397	393 - 397	393 - 397	393 - 397
	Jasmine	578 - 582	578 - 582	578 - 582	578 - 582	578 - 582
	100% tấm	328 - 332	328 - 332	328 - 332	328 - 332	328 - 332
ẤN ĐỘ	5% tấm	368 - 372	368 - 372	368 - 372	368 - 372	368 - 372
	25% tấm	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342
	Gạo đỏ 5% Stxd	353 - 357	353 - 357	353 - 357	353 - 357	353 - 357
	100% tấm Stxd	278 - 282	278 - 282	278 - 282	278 - 282	278 - 282
PAKISTAN	5% tấm	363 - 367	363 - 367	363 - 367	363 - 367	373 - 377
	25% tấm	328 - 332	328 - 332	328 - 332	328 - 332	338 - 342
	100% tấm Stxd	313 - 317	313 - 317	313 - 317	313 - 317	316 - 320
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352
MỸ	4% tấm	580 - 584	580 - 584	580 - 584	580 - 584	580 - 584
	15% tấm (Sacked)	565 - 569	565 - 569	565 - 569	565 - 569	565 - 569
	Gạo đỏ 4% tấm	603 - 607	603 - 607	603 - 607	603 - 607	603 - 607
	Calrose 4%	1.165 – 1.169	1.165 – 1.169	1.165 – 1.169	1.165 – 1.169	1.165 – 1.169

2. Xuất khẩu gạo hàng (16/09 - 22/09/2021) của các nước lớn:

Ngày 27/09/2021

(Nguồn: TRT, ĐVT: Ngàn tấn)

Nước xuất khẩu	Lượng xuất khẩu	+/- so tuần trước	Lũy kế cùng kỳ			Cả năm 2020
			2020	2021	+/- so 2020	
THÁI LAN	157	+1,29%	3.912	3.777	-3,46%	5.669
ẤN ĐỘ	288	+7,87%	10.049	14.652	+45,80%	14.601
VIỆT NAM	122	+3,39%	5.031	4.246	-15,60%	6.575
PAKISTAN	95	-3,06%	2.691	2.461	-8,53%	4.133
MỸ	20	-76,17%	1.889	2.059	+8,97%	2.840
Tổng cộng	682	-5,45%	23.572	27.195	+15,37%	32.970

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

Nhật Bản:

***Cập nhật kết quả đấu thầu SBS:**

Ngày 24/09/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang web của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF), nước này đã mua và bán thành công 744 tấn gạo trong số 25.000 tấn tại cuộc đấu thầu mua và bán đồng thời lần thứ Nhất của năm tài chính 2021-22 (tháng 4/2021 - tháng 3/2022), được diễn ra vào ngày 24/09/2021.

Cụ thể, nước này đã mua và bán 344 tấn gạo nguyên hạt và 400 tấn gạo tằm, chi tiết như sau:

Whole Grain Rice				
Country of Origin	Type of Rice	Tonnage	Average Purchase Price per Ton in USD (excluding tax)	Average Sale Price per Ton in USD (excluding tax)
U.S.	Non-glutinous short grain brown rice	108	1,642	2,205
	Non-glutinous medium grain polished rice	78	1,625	2,179
	Mochi short-grain rice	80	1,790	2,526
Pakistan	Non-glutinous medium grain milled rice	78	1,739	2,476
	Sub-total	344	1,694	2,431
Broken Rice				
U.S.	Non-glutinous crushed rice	200	827	1,227
Thailand	Non-glutinous crushed rice	200	554	959
	Sub-total	400	691	1,095

https://www.maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_sbsrice/attach/pdf/index-64.pdf

***Cập nhật kết quả đấu thầu SBS:**

Ngày 28/09/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang web của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF), buổi đấu thầu mua và bán đồng thời lần thứ Hai của năm tài chính 2021-22 (tháng 4/2021 - tháng 3/2022), được diễn ra vào ngày 28/09/2021 không thành công, do không nhận được đơn đăng ký tham gia. Do đó, cơ quan này quyết định tổ chức lại vào ngày 29/09/2021.

Chi tiết cụ thể tại:

https://www.maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_sbsrice/attach/pdf/index-65.pdf

Liên minh Châu Âu - EU:

***Cập nhật kết quả đấu thầu SBS:**

Ngày 24/09/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo báo cáo của Ủy ban Liên minh Châu Âu, cơ quan này đã phát hành Bản tin Giám sát vụ mùa của EU vào tháng 9/2021. Trong bản tin, triển vọng tại các khu vực sản xuất lúa gạo khác nhau được đề cập chi tiết, đồng thời năng suất tại hầu hết các nước sản xuất gạo đều được dự báo từ trung bình đến trên trung bình.

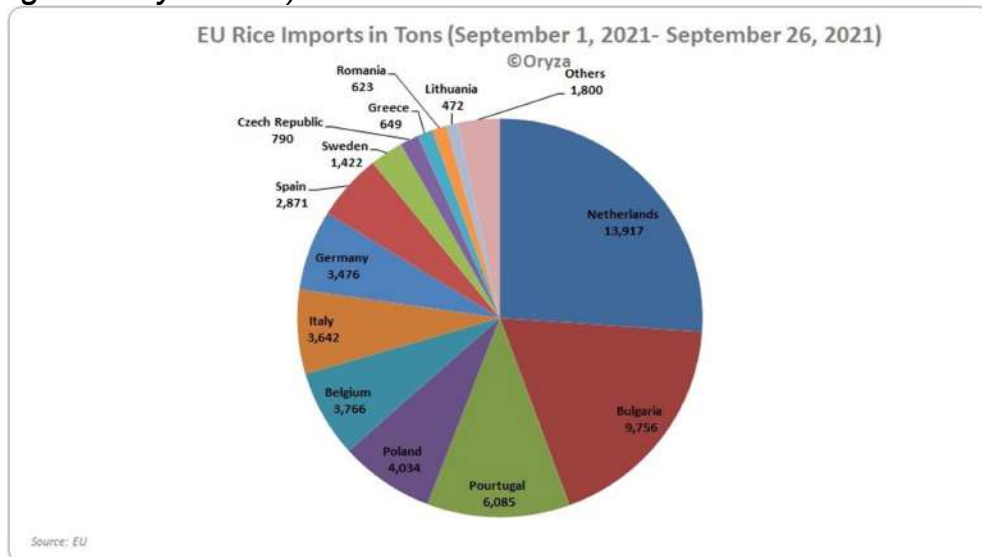
Chi tiết Bản tin tại:

https://publications.jrc.ec.europa.eu/repository/bitstream/JRC124854/jrcmarsbulletin_vol29_no_09_online_%281%29.pdf

***Tình hình xuất nhập khẩu gạo:**

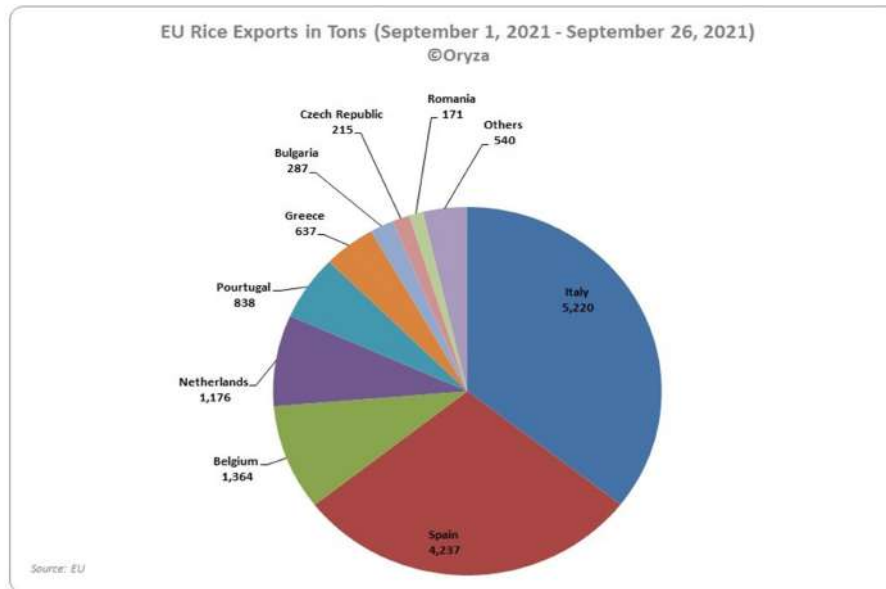
Ngày 30/09/2021

(Nguồn: Oryza.com)



Theo số liệu xuất nhập khẩu mới nhất của Liên minh Châu Âu (EU), tính từ ngày 01/09 đến 26/09/2021 của niên vụ 2020/21 (01/09/2020 - 31/08/2021), EU và Anh đã nhập khẩu tổng cộng 53.303 tấn gạo xay xát (trong đó, nhập khẩu gạo Japonica tổng cộng là 16.214 tấn và gạo Indica đạt 37.097 tấn), giảm khoảng 18% so với 64.986 tấn của cùng kỳ năm trước.

Về xuất khẩu, EU và Anh đã xuất khẩu tổng cộng 14.687 tấn gạo xay xát, tăng so với 7.285 tấn của cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu gạo Japonica đạt 9.400 tấn và gạo Indica đạt 5.288 tấn.



* Lưu ý: Dữ liệu sau ngày 01/01/2021, không bao gồm Vương quốc Anh vì Brexit. Trước Brexit, trong niên vụ hiện tại, từ ngày 01/09/2020 - ngày 31/12/2020, Anh đã nhập khẩu 84.020 tấn và xuất khẩu 362 tấn.

Guyana:

***Dự báo từ FAO:**

Ngày 27/09/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) dự báo sản lượng lúa năm 2021 của Guyana ở mức 965.000 tấn, giảm khoảng 8,8% so với ước tính 1,057 triệu tấn năm 2020. Sự sụt giảm được cho là do mưa lớn trong thời gian gieo trồng.

Vụ mùa đầu tiên, chiếm khoảng một nửa sản lượng hàng năm, được thu hoạch trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 và sản lượng ước tính ở mức kỷ lục do diện tích trồng lớn và sản lượng trên trung bình. Tuy nhiên, mưa lớn trong thời kỳ thu hoạch đã làm thiệt hại khoảng 3% sản lượng.

Việc thu hoạch lúa vụ thứ hai năm 2021 bị lùi lại đến tháng 10 do mưa lớn từ giữa tháng 5 đến cuối tháng 6. Mưa ảnh hưởng đến hoạt động làm đất

và gieo trồng ở các vùng sản xuất lúa chính. Diện tích gieo trồng trong vụ thứ hai được dự báo ở mức dưới trung bình là 75.000 ha.

Xuất khẩu gạo năm 2021 (tháng 1/tháng 12) được dự báo ở mức trên trung bình khoảng 500.000 tấn. Guyana đã xuất khẩu khoảng 280.000 tấn gạo trong nửa đầu năm 2021 (tháng 1/tháng 6).

<http://www.fao.org/gIEWS/countrybrief/country/GUY/pdf/GUY.pdf>

Sri-Lanka:

***Tình hình áp dụng quy định giá trần bán lẻ gạo trong nước:**

Ngày 27-28/09/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo News First, các nhà xay xát gạo của Sri Lanka đã cảnh báo với chính phủ rằng họ sẽ buộc phải ngừng hoạt động nếu không được phép bán gạo với giá hợp lý.

Diễn biến này diễn ra sau khi chính phủ quy định giá trần bán lẻ (MRP) đối với gạo như một phần của Luật khẩn cấp nhằm kiểm soát giá các mặt hàng lương thực thiết yếu, bao gồm cả gạo. Tổng thống đưa ra các quy định khẩn cấp trong bối cảnh thiếu gạo và các mặt hàng thực phẩm thiết yếu khác.

Mặc dù chính phủ cũng ấn định giá thu mua thóc từ nông dân ở mức 50 Rs/kg (248 USD/tấn) đối với gạo Nadu và 2,52 Rs/kg (258 USD/tấn) đối với gạo Samba, tuy nhiên nông dân vẫn muốn bán với giá cao hơn vì họ không có khả năng trang trải chi phí sản xuất của họ.

Do các nhà xay xát đang mua với giá cao hơn từ nông dân nên họ không quan tâm đến việc tuân thủ mức MRP của chính phủ là 98 Rs/kg (487 USD/tấn) đối với gạo Nadu, 103 Rs/kg (512 USD/tấn) đối với gạo Samba, và 125 Rs/kg (621 USD/tấn) đối với gạo Keeri Samba. Họ muốn gạo Nadu được bán với giá 110 Rs/kg (546 USD/tấn), gạo Samba 130 Rs/kg (646 USD/tấn), và Keeri Samba 160 Rs/kg (795 USD/tấn).

Chủ tịch Hiệp hội xay xát gạo Sri Lanka lưu ý rằng do chính phủ quyết định áp đặt MRP, nhiều nhà xay xát buộc phải ngừng hoạt động.

Đứng trước thực trạng nói trên, ngày 28/09/2021, tờ Daily Mirror cho biết, Chính phủ Sri Lanka đã quyết định rút lại quy định mức giá trần bán lẻ gạo, đồng thời cho phép các nhà xay xát giải phóng kho dự trữ của họ phù hợp với xu hướng thị trường.

Bộ trưởng Bộ Bảo vệ người tiêu dùng cho biết quyết định thu hồi để tránh tình trạng khan hiếm gạo trên thị trường và Nội các cũng cho phép nhập khẩu 100.000 tấn gạo để duy trì nguồn dự trữ đệm và ổn định giá cả.

Philippines:

***Giá bán lẻ gạo vẫn cao bất kể sản lượng nhập khẩu lớn:**

Ngày 27/09/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo Manila Bulletin, nhóm vận động hành lang Nông nghiệp Samahang Industriya ng Agrikultura (Sinag) cho biết mặc dù lượng gạo nhập khẩu trong ba năm qua rất lớn nhưng giá gạo bán lẻ trong nước vẫn ở mức cao.

Cụ thể, trong ba năm qua, nước này đã nhập khẩu khoảng 7,2 triệu tấn gạo, tuy nhiên giá bán lẻ của gạo xay xát thông thường hiện ở mức khoảng 38 P/kg (khoảng 747 USD/tấn) so với mức 27-30 P/kg (khoảng 531-590 USD/tấn) của 5 năm trở lại đây. Đồng thời, nhập khẩu đã kéo giá thóc trong nước xuống mức thấp ở mức 10 – 13 P/kg (khoảng 196 - 256 USD/tấn) và với mức giá này, nông dân không đủ bù đắp chi phí sản xuất của họ.

Chủ tịch Sinag lưu ý rằng vào năm 2019, chính phủ đã dỡ bỏ các hạn chế định lượng đối với nhập khẩu gạo và thực hiện Luật thuế quan cho phép nhập khẩu gạo vào nước này không giới hạn. Gần đây, Chính phủ cũng tạm thời hạ thuế nhập khẩu gạo từ các nước ngoài ASEAN.

Tanzania:

***Dự báo từ FAO:**

Ngày 28/09/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) dự báo sản lượng lúa năm 2021 của Tanzania đạt 6,5 triệu tấn, tăng khoảng 3,2% so với ước tính 6,3 triệu tấn vào năm 2020.

Thu hoạch xong vụ lúa năm 2021 vào tháng 6/2021. Lượng mưa tích lũy từ tháng 11/2020 đến tháng 4/2021 ước tính ở mức cao hơn mức trung bình từ 5-25%, có tác động tích cực đến sản lượng.

<http://www.fao.org/giews/countrybrief/country/TZA/pdf/TZA.pdf>

Madagascar:

***Dự báo từ FAO:**

Ngày 29/09/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) dự báo sản lượng lúa năm 2021 của Madagascar là 3,8 triệu tấn, giảm khoảng 6% so với ước tính 4,228 triệu tấn vào năm 2020. Sự sụt giảm được cho là do điều kiện thời tiết bất lợi đã ảnh hưởng đến sản lượng ở các khu vực phía Nam và phía Đông.

Nhập khẩu gạo năm 2021/22 (tháng 4/tháng 3) của Madagascar được dự báo ở mức 505.000 tấn, thấp hơn mức của năm trước do dự trữ gạo quốc gia có khả năng giảm. Trong khi đó, giá gạo trong nước tăng trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 3/2021 do nguồn cung khan hiếm theo mùa. Giá ổn định vào tháng 7/2021 nhưng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Việc gieo trồng lúa vụ chính 2022 sẽ bắt đầu vào tháng 11 và sẽ thu hoạch vào quý 2 của năm. Việc gieo trồng vụ phụ 2021 đã hoàn tất và sẽ được thu hoạch vào tháng 12 năm nay. FAO dự báo nước này có thể sẽ nhận được lượng mưa trung bình đến trên trung bình từ tháng 10/2021 đến tháng 3/2022, thúc đẩy triển vọng sản xuất năm 2022.

<http://www.fao.org/gIEWS/countrybrief/country/MDG/pdf/MDG.pdf>

Malaysia:

***Dự báo từ FAO:**

Ngày 29/09/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) dự báo sản lượng lúa năm 2021 của Malaysia đạt 2,49 triệu tấn, tăng khoảng 8,7% so với ước tính 2,29 triệu tấn vào năm 2020. Trong khi đó, dự báo nhập khẩu gạo năm 2021 của Malaysia là 1,2 triệu tấn, giảm khoảng 7%.

Việc gieo trồng lúa chính vụ 2022 đã hoàn tất ở các vùng sản xuất chính của đất nước. Các hoạt động gieo trồng đang được tiến hành ở các bang Sabah và Sarawak và sẽ kết thúc vào cuối năm nay. Theo FAO, lượng mưa ở mức trung bình đến trên mức trung bình trên các khu vực sản xuất lúa chính kể từ tháng 6, thúc đẩy dự trữ độ ẩm và mang lại lợi ích cho các hoạt động trồng trọt.

<http://www.fao.org/gIEWS/countrybrief/country/MYS/pdf/MYS.pdf>

Ghana:

*** Gia tăng sản xuất gạo để đáp ứng nhu cầu trong nước:**

Ngày 30/09/2021

(Nguồn: *Ghanaweb.com*)

Theo Ghanaweb, trong một chuyến thăm và làm việc tại cánh đồng và nhà máy xay xát của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nông nghiệp Toàn cầu Ghana (GADCO) tại Fiavi gần Sogakope, thuộc vùng Volta, Bộ trưởng Bộ Lương thực và Nông nghiệp đã có bài phát biểu kêu gọi các nhà sản xuất gạo trong nước tăng sản lượng để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.

Bộ trưởng nhắc lại cam kết của Chính phủ trong việc tự cung tự cấp sản xuất lúa gạo vào năm 2023-2024 và kêu gọi sự hỗ trợ từ tất cả các bên liên quan để gia tăng công suất xay xát. Đồng thời, ông cũng khuyến khích người dân tiếp tục tiêu thụ gạo nội địa nhiều hơn cũng như khen ngợi những đóng góp vào chương trình “Trồng trọt để có lương thực và việc làm” của chính phủ.

Tổng Giám đốc GADCO cho biết “chúng tôi muốn sử dụng cơ hội này để nhắc lại cam kết hỗ trợ sản xuất hàng tấn gạo địa phương, nơi Ghana sẽ

tự cung tự cấp trong tương lai gần”. Và ông tin rằng mục tiêu của chính phủ là đạt được khả năng tự cung tự cấp trong sản xuất lúa gạo vào năm 2023 là có thể đạt được và tất cả sẽ nỗ lực để hỗ trợ mục tiêu này. Hiện, công ty đang làm việc với 600 nông dân trồng lúa có quy mô nhỏ với tổng số 1.400 ha đất ở bảy địa điểm trong vùng Volta và khu vực Greater Accra, cung cấp và hỗ trợ cho họ về tài chính và cơ hội tiếp thị với công suất xay xát 3 tấn/giờ.

Iran:

***Thương nhân thúc giục chính phủ dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu gạo:**

Ngày 30/09/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Press TV dẫn nguồn từ Hiệp hội các nhà Nhập khẩu gạo Iran (IRIA) cho biết, các nhà kinh doanh gạo Iran đang thúc giục chính phủ dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu gạo theo mùa để đối phó với tình trạng thiếu gạo và tăng giá.

IRIA gợi ý rằng chính phủ có thể xem xét áp dụng hệ thống thuế quan thay vì áp đặt lệnh cấm nhập khẩu gạo theo mùa trong suốt mùa thu hoạch kéo dài 4 tháng từ cuối tháng 7 đến cuối tháng 11. Trong khi đó, giá gạo trong nước liên tục tăng từ đầu vụ thu hoạch cho đến nay. Do đó, nhu cầu đối với gạo ngoại tăng nhưng lệnh cấm nhập khẩu gạo theo vụ mùa đã dẫn đến tình trạng khan hiếm gạo trong nước và kéo theo đó là giá gạo nhập khẩu tăng.

Người đứng đầu IRIA nói với các phóng viên rằng cơ quan này đã kêu gọi chính phủ Iran nên nhập khẩu khoảng 140.000 tấn mỗi tháng để tránh tình trạng thiếu gạo và tăng giá.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Thái Lan:

Phân khúc gạo trắng hạt dài kết thúc tuần yên ắng với khuynh hướng giá không rõ ràng trước thềm thu hoạch vụ mới vào quý IV tới. Một số nhà xay xát nâng giá bán ra trên thị trường nội địa, tuy nhiên giá chào gạo xuất khẩu vẫn ổn định do đồng bath Thái suy yếu. Tương tự, phân khúc gạo Hom Mali cũng kết thúc tuần thấp hơn.

Thị trường tuần qua cũng ghi nhận một giao dịch cung cấp 44.000 tấn gạo trắng cho Al-Owais, nhà nhập khẩu được chính phủ Iraq chỉ định. Đây cũng là tháng thứ hai liên tiếp Thái Lan đạt được thỏa thuận cung cấp gạo cho Iraq. Từ tháng 6/2021 đến nay, Al-Owais đã nhập khẩu hơn 250.000 tấn gạo cho chương trình phân phối gạo quốc gia của Iraq, trong đó có 84.000 tấn đến từ nguồn cung Thái Lan. 44.000 tấn gạo Thái đầu tiên đã được giao vào hôm 18/8/2021 vừa qua. Đây cũng là sự kiện đánh dấu sự trở lại của Iraq đối với nguồn cung này kể từ khi ban hành lệnh cấm nhập khẩu gạo Thái vào năm 2014 do sự cố về chất lượng và cả số lượng hàng giao thực tế.

Thái Lan xuất khẩu 591.717 triệu tấn gạo các loại trong tháng 8/2021, tăng 41% so với tháng 7/2021 và tăng 62% so với cùng kỳ năm 2020. Lũy kế xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2021 đạt 3,18 triệu tấn, giảm hơn 14% so với cùng kỳ 2020. Sau 5 tháng đầu năm 2021 liên tiếp sụt giảm, kết quả xuất khẩu gạo hàng tháng của Thái Lan đã lạc quan hơn kể từ tháng 6/2021.

Theo báo cáo mới nhất từ Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo xay xát cả năm 2022 ước đạt 21 triệu tấn, tăng 11% so với năm 2021 nhờ điều kiện thời tiết dự báo thuận lợi hơn. Thời tiết hạn hán kéo dài từ tháng 6 đến giữa tháng 7/2021 đã gây ảnh hưởng đến một số vùng sản xuất lúa gạo và năng suất theo đó cũng bị giảm nhẹ.

Ấn Độ:

Phân khúc gạo non-basmati không ghi nhận nhiều nhu cầu mới trong tuần qua và các thương nhân chủ yếu đang tập trung giao cho kịp tiến độ Giáng sinh đối với các đơn hàng đi Tây Phi số lượng lớn đã ký kết trước đó. Giá chào gạo trắng kết thúc tuần theo đó giảm nhẹ. Bên cạnh đó, các thương nhân hiện cũng mong muốn nhanh chóng giải phóng tồn kho trước thềm thu hoạch vụ mới Kharif trong tháng 11 tới. Trong khi đó, dù giá chào mặt hàng gạo đỏ và gạo tám trắng kết thúc tuần tăng nhẹ và giá chào từ các nguồn cung khác trong khu vực thời gian qua giảm mạnh nhưng Ấn Độ hiện vẫn là nguồn cung cạnh tranh nhất trên thị trường thương mại gạo thế giới. Tuy nhiên, nhu cầu mới vẫn khá yên ắng và các nhà nhập khẩu có khuynh hướng chờ đến thời điểm thu hoạch vụ mới. Riêng mặt hàng gạo đỏ đang nhận được sự hỗ trợ từ nhu cầu nhập khẩu của Bangladesh với đợt thầu 50.000 tấn mở ngày 23/9 và một đợt thầu khác cũng số lượng 50.000 tấn (phương thức giao hàng bằng đường sắt) sẽ được mở vào ngày 04/10 tới.

Với điều kiện thời tiết mưa nhiều hiện nay, ùn tắc tại cảng Kakinada tiếp tục gia tăng trước áp lực hoàn tất các đơn hàng giao đi Tây Phi cho kịp nhu cầu tiêu thụ dịp Giáng sinh của các thương nhân. Tình trạng này dự kiến chỉ có thể cải thiện vào tháng 11 tới, khi các tàu xếp đi Tây Phi rời cảng.

Phân khúc gạo basmati kết thúc một tuần yên ắng khác do nguồn cung sụt giảm mạnh trước thềm thu hoạch vụ mới vào quý IV/2021 cũng như nhu cầu nhập khẩu ảm đạm do tình trạng khan hiếm container rỗng và giá cước tăng cao.

Pakistan:

Giá chào gạo trắng 5% tám non-basmati kết thúc tuần tăng nhẹ khi các thương nhân chủ động chào cao hơn trước tình trạng nguồn cung hạn chế do thời tiết mưa nhiều làm tiến độ thu hoạch vụ chính bị chậm hơn dự kiến. Tuy nhiên, một số thương nhân dự báo giá chào sẽ quay đầu giảm lại khi thu hoạch diễn ra ổn định hơn. Bên cạnh đó, nhu cầu hiện hữu của Trung Quốc

và châu Phi cũng góp phần hỗ trợ cho nguồn cung này, đặc biệt đối với mặt hàng gạo tám trắng. Tuy nhiên, thị trường tuần qua không ghi nhận nhiều giao dịch mới do người mua vẫn mong muốn mức giá thấp trước đó. Nhu cầu nhập khẩu từ khu vực Đông Phi cũng lạc quan hơn với xu thế giao hàng tàu do tình trạng giá cước tăng cao và khan hiếm container rỗng chưa có dấu hiệu cải thiện. Riêng phân khúc gạo basmati vẫn ổn định nhờ nhu cầu biên mậu với Afghanistan hỗ trợ bất chấp đồng rupee suy yếu.

Miền Điện:

Tiếp tục một tuần giảm giá khác trước thêm vụ thu hoạch chính của năm – sẽ bắt đầu vào tháng 10/2021 tới. Đồng kyat suy yếu và thiếu vắng nhu cầu mới cũng là nguyên nhân gây áp lực giảm giá lên nguồn cung này. Tuy nhiên, dù giá chào hiện đã trở nên cạnh tranh hơn rất nhiều nhưng tình trạng giá cước tăng cao và khan hiếm container rỗng tiếp tục gây hạn chế cho các thỏa thuận mới. Biên giới Miến – Trung vẫn đóng cửa để kiểm soát dịch bệnh Covid-19 và chưa dự kiến thời gian mở cửa trở lại.

Theo báo cáo mới nhất từ USDA, xuất khẩu gạo của Miến Điện trong tháng 9/2021 dự kiến sẽ giảm mạnh do biên giới Miến – Trung đóng cửa cũng như thiếu vắng nhu cầu mới từ châu Phi và châu Âu giữa bối cảnh giá cước vận chuyển leo thang. Số liệu xuất khẩu chính thức cho thấy trong tháng 7/2021, Miến Điện đã xuất khẩu tổng cộng 44.741 tấn gạo các loại qua đường biển với hai thị trường tiêu thụ chính là Philippines và Trung Quốc. USDA ước tính xuất khẩu gạo tháng 8/2021 của Miến Điện vào khoảng 45.000 tấn.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	Ngày 24/09	Ngày 27/09	Ngày 28/09	Ngày 29/09	Ngày 30/09
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,47	6,46	6,46	6,47	6,45
Euro (USD/Euro)	1,17	1,17	1,17	1,16	1,16
Rupiah Indonesia (IDR)	14.263,02	14.253,83	14.286,26	14.300,00	14.313,61
Rupee Ấn Độ (INR)	73,79	73,80	74,22	74,32	74,19
Yen Nhật Bản (JPY)	110,71	110,96	111,34	111,83	111,51
Philippines Peso (PHP)	50,81	51,13	51,08	50,91	51,04
Pakistan Rupees (PKR)	169,38	169,68	169,55	170,82	170,98
Baht Thái Lan (THB)	33,41	33,58	33,86	33,96	33,66
Vietnamese Dong (VND)	22.766,39	22.657,24	22.615,41	22.737,15	22.752,61

(Nguồn: www.xe.com)

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Tính đến ngày 30/09/2021, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Hè Thu 2021 xuống giống được 1,509 triệu ha, đã thu hoạch được 1,500 triệu ha với năng suất 5,7 tấn/ha; vụ Thu Đông 2021 xuống giống được 680 ngàn ha/700 ngàn ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được 140 ngàn ha với năng suất 5,2 tấn/ha.

2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 17.09 đến 23.09.2021:

(Nguồn Cục BVTV, Theo www.ppd.gov.vn)

2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 4.196 ha (tăng 1.441 ha so với kỳ trước, giảm 2.570 ha so với CKNT), phòng trừ 2.423 ha., diện tích mất trắng 02 ha (Cao Bằng). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Điện Biên, Cao Bằng, Quảng Ninh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Nai, Hậu Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước, Thanh Hóa.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 5.633 ha (giảm 4.215 ha so với kỳ trước, tăng 1.014 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 3.604 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh như Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình, Kiên Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Đồng Nai, Bạc Liêu, Cà Mau, Thanh Hóa, Nghệ An,...

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.242 ha (tăng 44 ha so với kỳ trước, giảm 245 ha so với CKNT), nhiễm nặng 15 ha,; diện tích phòng trừ trong kỳ 2.173 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bình Thuận, Gia Lai, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình, Bạc Liêu, Hậu Giang, Sóc Trăng, Nghệ An,...

- Bệnh đạo ôn:

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 6.755 ha (tăng 1.392 ha so với kỳ trước, tăng 733 ha so với CKNT), phòng trừ 4.734 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Kiên Giang, Đồng Nai, Long An, Bình Thuận, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lak,...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 1.752 ha (giảm 313 ha so với kỳ trước, giảm 3.100 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 1.088 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, An Giang, Điện Biên, Lai Châu, Bắc Kan,...

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 4.495 ha (giảm 3.391 ha so với kỳ trước, giảm 6.444 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 8.503 ha. Phân

bố chủ yếu tại các tỉnh như Kiên Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Cần Thơ, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hòa Bình,...;

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 9.055 ha (giảm 1.431 ha so với kỳ trước, tăng 335 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 6.385 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh như Nam Định, Điện Biên, Hòa Bình, Kiên Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Đồng Nai, Bạc Liêu, Cà Mau, Thanh Hóa, Nghệ An,...

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 6.777 ha (tăng 1.206 ha so với kỳ trước, tăng 4.440 ha so với CKNT) diện tích phòng trừ trong kỳ 3.948 ha. Phân bố tại các tỉnh Bạc Liêu, Đồng Nai, Tây Ninh, Sóc Trăng, Long An, An Giang, Bình Thuận, Khánh Hòa,...

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 5.139 ha (giảm 30 ha so với kỳ trước, giảm 1.945 ha so với CKNT), diện tích nặng 289 ha, diện tích bị mất trắng 01 ha (Hải Phòng) diện tích phòng trừ trong kỳ 757 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh Hải Phòng, Điện Biên, Thái Bình, An Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Đồng Nai, Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Nghệ An, Quảng Trị, Bình Thuận, Đắk Lak, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Gia Lai,...

- **Lúa cỏ:** gây hại diện hẹp, diện tích nhiễm 904 ha, nặng 116 ha (tăng 109 ha so với kỳ trước). Diện tích phòng trừ 136 ha, diện tích đã tiêu hủy 361 ha. Phân bố chủ yếu ở Ninh Bình, Hà Nam.

2.2. Dự báo sâu bệnh:

* Trên cây lúa

a) Các tỉnh Bắc Bộ

- **Rầy nâu – rầy lưng trắng:** Rầy cám tiếp tục nở đến đầu tháng 10, hại lúa giai đoạn ngậm sữa – chắc xanh – chín, mức độ hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, xuất hiện cháy chòm ổ cục bộ trên các giống nhiễm giai đoạn chắc xanh – đổ đúi nếu không phát hiện và phòng trừ kịp thời;

- **Sâu đục thân hai chấm:** Sâu non tiếp tục nở gây bông bạc trên lúa Mùa muộn;

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Trưởng thành tiếp tục vũ hóa và đẻ trứng tập trung đến 25/9. Sâu non nở và gây hại diện hẹp trên một số diện tích lúa trĩ muộn, nhất là trên những giống lúa đặc sản và giống dài ngày đang giai đoạn làm đòng, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

- **Bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn:** Những ngày tới, thời tiết có nhiều ngày có mưa kèm dông, điều kiện thời tiết thuận lợi cho bệnh tiếp tục phát sinh, phát triển và gây hại mạnh trên lúa Mùa chính vụ - muộn, nhất là những ruộng gieo trồng giống nhiễm.

- **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Từ nay đến đầu tháng 10, nhiệt độ giảm kết hợp với mưa nhiều gây ẩm độ cao, đây là điều kiện thuận lợi cho nấm bệnh đạo ôn xâm nhiễm và gây hại cổ bông, cổ gié trên các giống nhiễm bệnh, đặc biệt các

giống nếp trở vào cuối tháng 9 đến đầu tháng 10. Các tỉnh cần lưu ý như: Điện Biên, Lai Châu, Bắc Kạn, Hòa Bình, Thái Bình,...

Ngoài ra, *Bọ xít dài, lúa cỏ,..* hại tăng; *chuột, nhện gié, bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt, ..* tiếp tục hại.

b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ (chủ yếu tại Nghệ An, Thanh Hóa):

- *Chuột*: Tiếp tục gây hại trên lúa Mùa giai đoạn đòng trở chín, hại nặng cục bộ các chân ruộng gần gò, bãi, khu dân cư;

- *Bệnh khô vằn, bạc lá*: Tiếp tục gây hại trên lúa Mùa muộn giai đoạn trở - chín sấp. Hại nặng cục bộ các chân ruộng bón phân thiếu cân đối, thừa đạm;

- *Bệnh lem lép hạt*: Tiếp tục phát sinh và gây hại trên trà lúa trở - chín sấp;

- *Sâu đục thân hai chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié,..* tiếp tục gây hại phổ biến từ nhẹ- trung bình trên lúa trà muộn tại Nghệ An, Thanh Hóa.

c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên:

- *Sâu đục thân hai chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh lem lép thối hạt...* tiếp tục gây hại lúa Hè Thu muộn giai đoạn trở - chín, mức độ hại phổ biến nhẹ - trung bình;

- *Bệnh đạo ôn lá* tiếp tục phát sinh gây hại lúa giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng ở Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên. *Bệnh đạo ôn cổ bông* gây hại cục bộ;

- *Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân hai chấm,..* phát sinh gây hại trên lúa vụ 3, lúa Mùa giai đoạn đẻ nhánh – đòng, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình;

- *Chuột*: Hại cục bộ trên các trà lúa (Hè Thu cuối vụ, lúa Mùa, lúa vụ 3);

- *Ốc bươu vàng*: Tiếp tục gây hại chủ yếu trên lúa Mùa giai đoạn từ Mạ - đẻ nhánh, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình.

d) Các tỉnh Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long

- Trên lúa Thu Đông và lúa Mùa:

+ *Rầy nâu*: Rầy tuổi 4, 5 và trưởng thành xuất hiện và gây hại phổ biến từ nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trở;

+ *Bệnh đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt*: Tiếp tục phát triển gây hại do ảnh hưởng thời tiết có mưa nhiều, đông, nắng gián đoạn, nhất là trên những ruộng gieo sạ dày, bón thừa phân đạm, sử dụng giống nhiễm,...

Ngoài ra cần chú ý: *Ốc bươu vàng* gây hại trên lúa giai đoạn mạ-đẻ nhánh, đặc biệt trên những chân ruộng thấp trũng, khó thoát nước; *Chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – đòng trở.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:

Theo số liệu tổng hợp, kết quả xuất khẩu từ ngày 01-15/09/2021 đạt 247.420 tấn, trị giá 121,644 triệu USD so với cùng kỳ tăng 22,18% về số lượng và tăng 20,31% về trị giá.

Lũy kế xuất khẩu gạo Việt Nam từ đầu năm đến ngày 15/09/2021 số lượng đạt 4,227 triệu tấn, trị giá 2,259 tỷ USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 12,05% và về trị giá giảm 4,49%.

III. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/09 - 30/09/2021, có 18 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 158.300 tấn gạo các loại trong đó, 11 tàu cảng Hồ Chí Minh và 07 tàu cảng Mỹ Thới.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Hoà Bình 09	HCM	26/08/2021	6.500	Philippines
2	Mekong	Mỹ Thới	02/09/2021	4.000	Philippines
3	Sea Champion	HCM	02/09/2021	6.000	Philippines
4	S. Neptune	HCM	04/09/2021	27.000	Châu Phi
5	Haydee	HCM	05/09/2021	30.000	Cuba
6	New Xa La	Mỹ Thới	07/09/2021	4.000	Philippines
7	Samurai Indad II	Mỹ Thới	10/09/2021	1.500	Malaysia
8	Hải Phương 619	Mỹ Thới	11/09/2021	4.900	Philippines
9	Quang Minh 18	HCM	12/09/2021	4.100	Philippines
10	Hoà Bình 27	Mỹ Thới	16/09/2021	2.600	Philippines
11	Global Harmony	HCM	20/09/2021	30.000	Cuba
12	Hòa Bình 54	HCM	20/09/2021	6.000	Philippines
13	Quang Minh 29	HCM	21/09/2021	6.700	Philippines
14	Sea Dragon 9999	HCM	22/09/2021	4.900	Malaysia
15	Long Môn Star	Mỹ Thới	22/09/2021	6.000	Malaysia
16	Sunrise 69	HCM	24/09/2021	6.500	Philippines
17	TLC 01	HCM	24/09/2021	6.000	Philippines
18	Hòa Bình 45	HCM	26/09/2021	4.000	Philippines
19	Quang Minh 5	Mỹ Thới	30/09/2021	4.100	Malaysia
Tổng				164.800	

IV. GIÁ LÚA GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	30/09	+/-	30/09	+/-	30/09	+/-	30/09	+/-	30/09	+/-	30/09	+/-	30/09	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	5.450	-	5.200	-	5.250	+100			5.250	+100			5.600	-100	5.600	5.350
Lúa thường	4.950	+50	4.800	-					4.950	+150	4.950	+200	5.100	+100	5.100	4.950
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	7.250	-	6.550	-	6.500	+100			5.500	+100			6.600	-100	7.250	6.480
Lúa thường	7.250	-	6.150	-					5.200	+100			6.100	+300	7.250	6.175
Gao Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	8.050	-	8.500	+200	8.300	+175			8.350	+350			8.700	+200	8.700	8.380
Lứt loại 2	7.850	-	7.800	+50	7.900	+200			7.850	+100	7.850	+300	7.900	+300	7.900	7.858
Xát trắng loại 1			9.550	+50			9.350	-	9.350	+100			10.000	+100	10.000	9.563
Xát trắng loại 2			8.650	+50			8.900	+100	8.950	+300	9.000	+200	9.000	+300	9.000	8.900
Phu Phẩm																
Tấm 1/2	7.350	-	7.400	-	6.950	+300	6.950	-	6.950	-100	6.850	-400	7.300	-100	7.400	7.107
Tấm 2/3			7.050	-	6.950	+200			6.750	+400			6.900	-	7.050	6.913
Tấm 3/4	6.550	-	6.950	+100	6.550	+250	6.450	+200							6.950	6.625
Cám xát	6.750	+300	6.950	+300	6.550	+450	6.550	+200	6.550	+100	6.550	+100	6.700	+100	6.950	6.657
Cám lau	6.750	+300	6.950	+300	6.550	+450	6.550	+200	6.550	+100	6.550	+100	6.700	+100	6.950	6.657
Gao TPXK Không Bao Tại Man																
5%	9.250	+100	9.150	+100	9.200	+150	9.250	+100	9.300	+400	9.400	+200	9.150	+250	9.400	9.243
10%			9.050	+100					9.200	+400					9.200	9.125
15%	9.050	+100	8.950	+100	8.900	+150			9.000	+240	9.200	+200	8.950	+250	9.200	9.008
20%			8.850	+100					8.900	+300					8.900	8.875
25%	8.850	+100	8.750	+100	8.600	+150			8.800	+300	9.000	+200	8.650	+250	9.000	8.775
